

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

BẢO CẠO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2021

BẢO CẠO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HCD
Năm báo cáo: 2020

MỤC LỤC:

1	1. Thông tin chung/ General information	1
1	1. Thông tin khái quát/ General information	1
1	2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:	1
1	3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus	2
5	4. Định hướng phát triển/ Development orientations	5
7	5. Các rủi ro/ Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).	7
8	II. Tình hình hoạt động trong năm 2020/ Yearly Operations	8
8	1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations	8
9	2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource	9
10	3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ Investment activities, project implementation	10
11	4. Tình hình tài chính/ Financial situation	11
11	a) Tình hình tài chính/ Financial situation	11
12	b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial benchmarks:	12
14	5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.	14
15	6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society	15
15	6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials:	15
15	6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:	15
15	6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)	15
15	6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection: Theo quy định chung	15
15	6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees	15
16	6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.	16
16	6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường thị trường xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.	16
16	III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/ the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)	16
16	1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results	16
17	2. Tình hình tài chính/ Financial Situation	17
17	a) Tình hình tài sản/ Assets	17

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities	17
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities:	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors	18
V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).	19
1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors	19
2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors	23
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	24
VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements	25
1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements	25

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty CP Đầu tư SX và TM HCD /Name of Company
Năm báo cáo 2021/Year

1. Thông tin chung/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HCD
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 0800940115
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 270 tỷ đồng
- Địa chỉ/ Address: Số 122B, Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, TP Hải Dương
- VPĐH : F-6-F7 KĐT Mới Ngõ Thị Nhâm, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại/ Telephone: 024.33518419
- Số fax/ Fax: 024.33518430
- Website: hedgroup.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): HCD

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now):

+ Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD (HCD INVESTPRO, JSC) tiền thân là Công ty cổ phần Luyện kim HCD được thành lập ngày 06 tháng 12 năm 2011 tại tỉnh Hải Dương dựa trên ý tưởng hợp nhất và định hướng rõ ràng của các cổ đông sáng lập là những chuyên gia Quản trị, Thương mại, Tài chính và Luật pháp hàng đầu tại Việt nam có bề dày kinh nghiệm và tham niên lâu năm trong lĩnh vực cung ứng nguyên liệu hạt nhựa và vật liệu xây dựng.

+ Để có thể thực thi và kiểm soát tốt định hướng chiến lược đó thì vào tháng 1/2016 tại ĐHBĐCD thường niên, công ty quyết định nâng tầm hoạt động của công ty lên thành công ty đại chúng vào đầu năm 2016 để thu hút thêm các kênh huy động vốn từ các nhà đầu tư, tạo động lực cho HCD thực hiện được sứ mệnh tầm nhìn của mình và luôn cam kết đáp lại sự tin tưởng khi đồng hành cùng như hợp tác của các nhà đầu tư đã dành cho HCD.

- Các sự kiện khác/ Other events:

- + Tháng 8/2017, Nhà máy sản xuất bao bì HCD chính thức đi vào vận hành
- + Năm 2018 Nhà máy bao bì HCD tại Bắc Ninh hoạt động full công suất thiết kế
- + Ngày 12/12/2019 Công ty được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 334960.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/ Lines of the business: (Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years). Kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh, các sản phẩm từ nhựa, sản xuất bao bì màng mỏng.

kinh doanh vật liệu hoàn thiện trong ngành xây dựng

- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years). Thông qua công tác truyền thông, quảng cáo và Hội chợ triển lãm, HCD phát triển thương hiệu duy trì trên 3 miền của Tổ quốc: Miền Bắc tập trung ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình...

Miền Trung: Quảng Bình, Nha Trang, Đà Nẵng.....

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ...

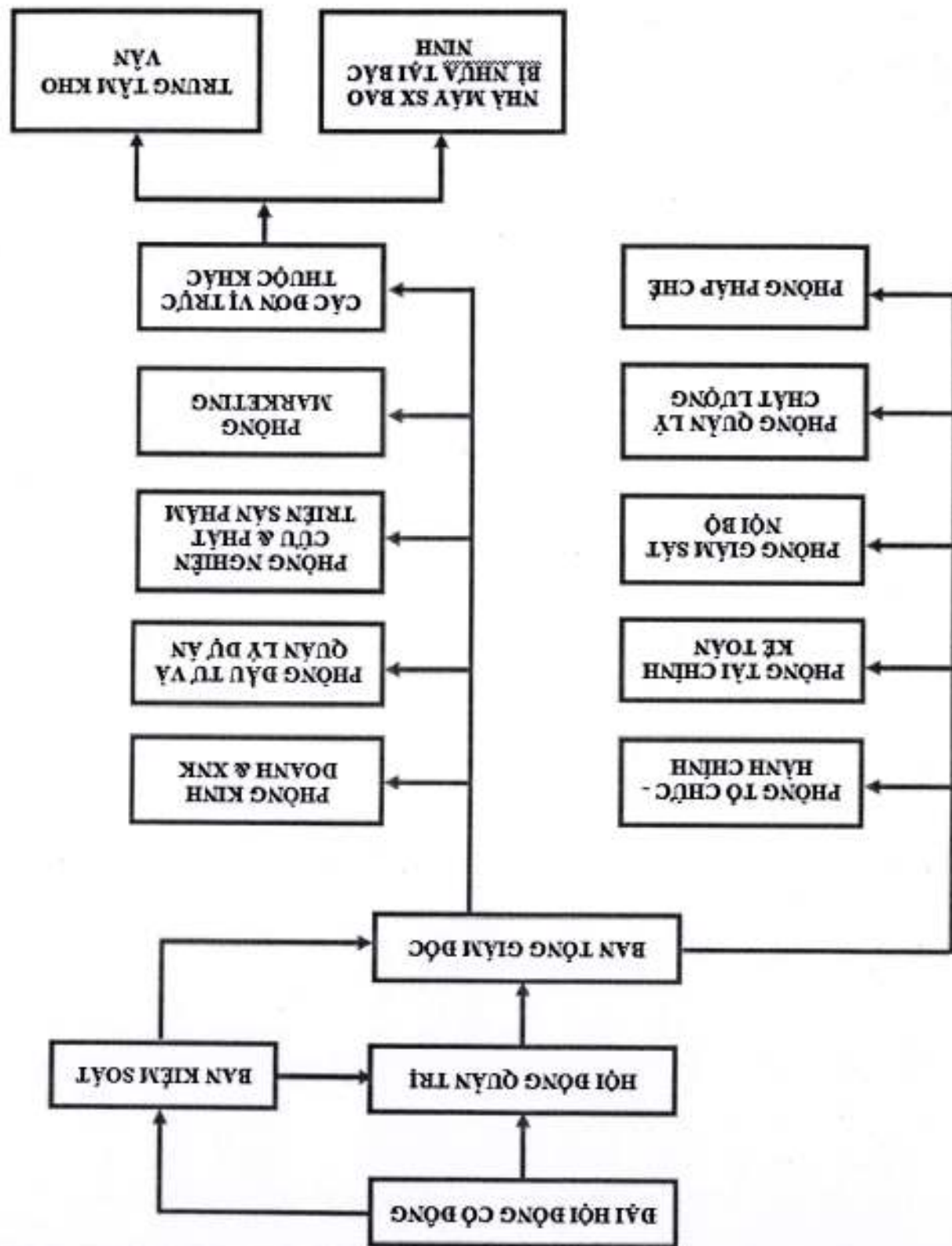
Và các tỉnh ở Tây Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure. Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông.
- + Hội đồng quản trị (HDQT)
- + Ban kiểm soát.



+ Ban Tổng giám đốc.

+ Các phòng chuyên môn.

+ Nhà máy sản xuất, Trung tâm kho vận

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên trong đó có 02 thành viên là thành viên độc lập không điều hành:

- Ông Phùng Chí Công - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Ông Nguyễn Đức Dũng - Ủy viên HĐQT kiểm tra giám đốc;

- Ông Vũ Nhân Tiến - Ủy viên;

- Bà Lê Thị Thu Thủy - Ủy viên;

- Ông Nguyễn Hữu Quyền - Ủy viên.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 02 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Trưởng ban;

- Bà Đoàn Thị Hoài - Thành viên.

Ban Giám đốc:

- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc điều hành là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc công ty con và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

- Các Phó Tổng giám đốc: Các Phó tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc quản lý điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc:

+ Ông Nguyễn Đức Dũng - Tổng Giám đốc Công ty;

+ Ông Vũ Trọng Hoàn - Phó Tổng Giám đốc.

- Các công ty con, công ty liên kết Subsidiaries, associated companies: (Nếu danh sách địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết) (Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhựa Trường An

+ Địa chỉ: số 67 Phố Lý từ Trung, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

+ Vốn điều lệ thực góp: 45 tỷ

+ Tỷ lệ sở hữu của HCD tại công ty Trường An: 45%

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company.:

- Trở thành Tập đoàn đa ngành, đa lĩnh vực có thương hiệu mạnh tại Việt Nam. Kế thừa và phát triển từ nền tảng của những ngành nghề tiên phong, cốt lõi để từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

- Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng các sản phẩm - dịch vụ.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, giảm thiểu chi phí và rủi ro trong sản xuất - kinh doanh, tận dụng mọi tiềm năng, cơ hội để kịp thời nắm bắt tạo ra giá trị gia tăng bền vững.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy tiềm năng và năng cao vị thế.

- Luôn ưu tiên đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, mang lại lợi ích cho các cổ đông và nhà đầu tư góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Development strategies in medium and long term:

- HCD mong muốn trở thành một Tập đoàn sản xuất, kinh doanh và đầu tư có tiềm lực, năng động, có sức cạnh tranh mạnh mẽ, luôn luôn hướng đến chính phục các mục tiêu cao hơn và là sự lựa chọn hàng đầu của mọi đối tác và khách hàng.
- HCD cam kết không ngừng đổi mới, thực đẩy đầu tư một cách toàn diện nhằm phát triển, củng cố các sản phẩm - dịch vụ chất lượng cao, giá cả hợp lý và thân thiện môi trường, góp phần mang lại niềm tin cho khách hàng. Từ đó xây dựng lòng tin, mối quan hệ gần gũi với khách hàng và đổi tác phát triển bền vững.

- Vận hành nhà máy sản xuất bao bì hoạt động ổn định và đạt công suất tối đa như thiết kế, tối ưu chi phí nhằm mang lại hiệu quả cao.

tại địa phương.

như tham gia các chương trình tình nguyện, giúp đỡ các gia đình gặp khó khăn, ủng hộ các tổ chức

• Bên cạnh đó Công ty cũng công hiến hết mình cho sự phát triển chung của toàn xã hội

được học hỏi, nâng cao tay nghề, phát huy sự sáng tạo, đổi mới.

đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động

• Công ty không ngừng phấn đấu để nâng cao thu nhập cho người lao động, chăm lo

trường.

sử dụng cuối cùng là người tiêu dùng với những dịch vụ hoàn hảo và tui tự huy thân thiện với môi

sản xuất thì sắp tới chúng tôi sẽ tạo nên nhiều khác biệt trong việc tạo ra những lợi ích cho người

tranh cao. Trước đây HCD tập trung mạnh vào thị trường trong nước mà bán lẻ, các nhà máy, cơ sở

• Bên cạnh đó, chúng tôi vẫn duy trì những giá trị khác biệt để mang lại hiệu quả cạnh

công nghiệp trong nước.

mạnh sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm mới nhằm phục vụ những thị trường xuất khẩu và các khu

trong những năm tới, chúng tôi sẽ đầu tư mạnh hơn vào việc sáng tạo, công nghệ may, dệt, dệt

• HCD tập trung vào tăng trưởng bền vững. Để công ty duy trì được tốc độ tăng trưởng

phát triển.

nhất, tạo nên thương hiệu và danh tiếng của HCD trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở mọi giai đoạn

hiệu, thân thiện môi trường, có hiệu năng sử dụng cao. Chất lượng là yếu tố cấu thành quan trọng

vững của ngành. HCD đã cho ra đời những sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, nhiên

ra những sản phẩm đi tới đón đầu, phù hợp với thị hiếu của khách hàng, xu hướng phát triển bên

• Chất lượng là sự đầu tư không ngừng cho khoa học, công nghệ và là sự tiên phong tạo

hàng. Nhờ vậy, HCD đã cho ra đời những sản phẩm được khách hàng và xã hội đón nhận.

tiên hiệu quả qua quan lý, hiệu quả các quy trình làm việc với quan điểm tất cả cùng hướng về khách

các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Dịch vụ khách hàng tại HCD là sự cải

trường, lắng nghe nhu cầu và mong muốn của khách hàng nhằm sản xuất và cung cấp ra thị trường

hàng qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao. HCD luôn chú trọng công tác nghiên cứu thị

• Đặt khách hàng ở vị trí trung tâm, HCD luôn nỗ lực mang đến sự hài lòng cho khách

Corporate environment, society and community Sustainability:

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình

chính liên quan đến ngân hàng và trung tâm của Công ty/Corporate objectives with regard to

không ngừng đổi mới, hoàn thiện nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

vị cung cấp, phân phối có tiềm lực. Đầu tư vào khoa học kỹ thuật để nâng cao giá trị sản phẩm và

• Không ngừng tìm kiếm và mở rộng thị trường, xúc tiến đầu tư và hợp tác với các đơn

5. *Các rủi ro/Risks:* (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)
 Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

➤ **Rủi ro cạnh tranh thị trường:**

- Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với lĩnh vực hoạt động cốt lõi của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ nhựa, trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Danh giá các yêu cầu về thị trường và nhu cầu về thị trường của Tổng công ty như sau: Luôn có mức độ cạnh tranh cao, đặc biệt khi Việt Nam hội nhập sâu theo các Hiệp định, Diễn đàn hợp tác thương mại khu vực và thế giới; trong đó chủ yếu là các yêu cầu về giá cả, chất lượng, hàm lượng công nghệ, tiến bộ sử dụng và mẫu mã; đặc biệt đối với các sản phẩm mới trong giai đoạn đầu của chu kỳ sản phẩm, sẽ có những rủi ro, khó khăn về thị trường từ yêu cầu thời gian tiêu dùng, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu.
- Giám thị phần và có nguy cơ bị bất kịp với các đối thủ, những quan ngại về môi trường và tác hại nhựa có thể khiến người tiêu dùng hạn chế lượng bao bì nhựa sử dụng, gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty

➤ **Rủi ro về nguyên vật liệu:**

- Giá nguyên vật liệu biến động bất thường gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, không kịp thời cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất, quá trình sản xuất bị gián đoạn. Các nguyên vật liệu chất lượng thấp không đảm bảo yêu cầu không thể đưa vào sản xuất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

➤ **Rủi ro công nghệ và quản trị**

- Rủi ro về công nghệ: Với sự phát triển của khoa học công nghệ sản xuất, yêu cầu về quản trị trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí... đến là khá nặng nề hậu về công nghệ, nhân lực chất lượng cao, suy giảm năng lực cạnh tranh trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí...
- Rủi ro trong quản trị: Năng lực và chất lượng của hoạt động quản trị có những rủi ro tiềm ẩn, có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp; Tuy nhiên, thực tế khó nhận biết và dự báo trước được những rủi ro này. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp.

➤ **Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh**

- Trong năm 2019-2020, Việt Nam và thế giới đã trải qua giai đoạn bùng phát của dịch Covid-19, ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế xã hội toàn cầu và trong nước; Bên cạnh đó, là tình hình thiên tai bão lũ, ô nhiễm môi trường, khi hậu do biến đổi của các quốc gia với phát triển kinh tế cũng là yếu tố tác động lớn đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của các doanh nghiệp. Trong đó, đối với HCD nói riêng, hoạt động SXKD bị ảnh hưởng. Theo đó, do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, việc thực hiện gian cách xã hội do dịch bệnh, thiên tai bão lũ đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu thị trường; hệ thống bán hàng trực tiếp (hệ thống đại lý, cửa hàng, showroom...) bị đứt gãy, làm giảm khả năng kinh doanh; Áp lực cạnh tranh của thị trường trong nước tăng mạnh do các doanh nghiệp thực hiện các chính sách xả hàng tồn kho, thu hồi vốn dẫn đến giá bán giảm sâu ảnh hưởng đến hiệu quả. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chất lượng nhập cảnh, trong giai đoạn dịch làm ảnh hưởng tới công tác nhập khẩu nguyên vật liệu của công ty. Những vấn đề này là rủi ro đối với doanh nghiệp nói chung và HCD nói riêng; đặc biệt ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tiêu thụ, nguồn cung ứng nguyên nhiên vật liệu cho hoạt động sản xuất (đặc biệt sử dụng các nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu). Đồng thời, các định chế, quy định pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường tại Việt Nam, cũng như trên toàn cầu hiện nay đang được các nước chủ động, siết chặt trong

- Tiêu thụ năng lượng và tuân thủ các quy định về môi trường: Các kết quả quan trọng mỗi năm sản xuất.
- Sự đồng góp của phòng Kế hoạch và các tiến sản xuất kết hợp với kinh nghiệm sản xuất thực tế của CBCNV, HCD không ngừng cải tiến, tăng cường tỷ lệ tự động hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, giảm tỷ lệ phế thải, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất.
- Ban lãnh đạo công ty chủ trương tăng cường tự động hoá trong các hoạt động sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu hàng hoá ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiến độ giao hàng được đảm bảo, giảm thiểu khiếu nại của khách hàng và bộ phận bán hàng đối với nhà máy.
- Ban lãnh đạo công ty chủ trương tăng cường tự động hoá trong các hoạt động sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu hàng hoá ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Các chỉ số quan trọng của công ty tham gia đầy đủ công tác huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động, PCCC... Các chỉ số quan trọng về môi trường và hiệu quả hoạt động được giám sát tuân thủ hoàn toàn. Cán bộ công nhân viên sản xuất. Các quy trình sản xuất chủ yếu đều được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, an toàn lao động, tuân thủ định kỳ thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn đối với các loại máy móc, thiết bị trong dây chuyền đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường. Bộ phận kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và
- Để đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường. Bộ phận kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và
- Các chỉ số quan trọng của công ty tham gia đầy đủ công tác huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động, PCCC... Các chỉ số quan trọng về môi trường và hiệu quả hoạt động được giám sát tuân thủ hoàn toàn. Cán bộ công nhân viên sản xuất. Các quy trình sản xuất chủ yếu đều được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, an toàn lao động, tuân thủ định kỳ thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn đối với các loại máy móc, thiết bị trong dây chuyền đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường. Bộ phận kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và
- Các chỉ số quan trọng của công ty tham gia đầy đủ công tác huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động, PCCC... Các chỉ số quan trọng về môi trường và hiệu quả hoạt động được giám sát tuân thủ hoàn toàn. Cán bộ công nhân viên sản xuất. Các quy trình sản xuất chủ yếu đều được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng, an toàn lao động, tuân thủ định kỳ thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn đối với các loại máy móc, thiết bị trong dây chuyền đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường. Bộ phận kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và

+ **Những thay đổi ghi nhận năm 2020:** Vấn đề hàng đầu của nhà máy sản xuất bao bì HCD hoạt động ổn định, đạt full sản lượng, hoàn thành các chỉ tiêu về độ phủ, phát triển hệ thống bán lẻ, đại lý phân phối và khách hàng nghiệp.

Doanh thu năm 2020 đạt gần 500 tỷ đồng giảm 30% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế đạt gần 1,5 tỷ đồng giảm 93% so với năm 2019 do đại dịch Covid 19 bùng phát ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng và HCD không nằm ngoài những hệ lụy đó. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại, giá hạt nhựa giảm.

Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020
	Gia trị	% tăng/giảm so với năm 2018	
Doanh thu thuần	710.901.840.469	-30%	
Lợi nhuận trước thuế	19.655.590.577	-92%	
Lợi nhuận sau thuế	19.655.590.577	-93%	

+ **Kết quả hoạt động sxkd năm 2020:**

costs, markets, products, supplies, etc.:

achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, the year: Nếu các kết quả đạt được trong năm. Nếu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv/Specify the results

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020/ Results of business operations in operations

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020/ Yearly Operations
 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tên tất cả các thành viên và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

Năm 2020, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 500 tỷ đồng, đạt 66% doanh thu kế hoạch. Do ảnh hưởng của đại dịch covid 19 ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam, HCD nói riêng dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty không đạt được kế hoạch đã đề ra.

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(3)
Dịch vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ	495.799	750.000	66%
Lợi nhuận sau thuế	1.426	16.000	8,9%

DVT: tỷ

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 so với kế hoạch:

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/ actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/ Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

tương ứng quy tại các nhà máy đều trong ngưỡng an toàn.

Danh sách, tóm tắt tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành									
1	Nguyễn Đức Dũng	Tổng giám đốc	01732 6668	09/06/ 2012	Hà Nội	F6 Khu mới đô thị Ngõ Thi Nhâm, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	3.828,79	5	14,18 %
2	Va Trong Huan	Phó Tổng GB	03007 70026 10	02/03/ 2017	Cục CS DKQL và Cư trú DLQG về DC	9B, ngách 12/2 Đàng Thái Mai, Quận An, Tây Hồ, Hà Nội	0	0	0%
3	Trần Thị Anh Nguyệt	Kế toán trưởng	03318 90017 50	15/03/ 2017	Cục CS DKQL và Cư trú DLQG về DC	CT2 TTHC mới, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội			

- Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year): Trong năm 2020:

- Bà Lê Thị Thu Thủy thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng, thời là Người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/04/2020.

- Bổ nhiệm bà Trần Thị Anh Nguyệt giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty và là người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/04/2020.

- Số lượng cán bộ, nhân viên, Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/Number of staffs. Summary and changes of the employee policies: Năm 2020 số lượng nhân sự công ty bình quân khoảng 40-50 lao động chính thức.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong

năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons increase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets. : Hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Khai Sơn, Thuận Thành, Bắc Ninh, đưa nhà máy đi vào hoạt động chính thức từ tháng 8/2017. Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất "Tâm ởp nhựa đã" vật liệu hoàn thiện mới trong ngành xây dựng.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Công ty liên kết: Công ty CP nhựa Trường An

Địa chỉ: Số 67 Lý Tự Trọng, Hà Đông, Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh thương mại XNK hạt nhựa và kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm 2019/Year	Năm 2020/Year	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:	456.861.621.118	462.939.338.016	1,33%
Tổng giá trị tài sản/ Total asset	710.901.840.469	495.798.840.942	-30,25%
Doanh thu thuần/ Net revenue	19.667.097.479	1.586.990.959	-91,93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	-11.506.902	-2.581.661	-77,56%
Lợi nhuận khác/ Other profits	19.655.590.577	1.584.409.298	-91,93%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	19.655.590.577	1.425.699.372	-92,74%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:			
Tổng giá trị tài sản/ Total asset			
Doanh thu/ Revenue			

Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/Benchmarks	Năm 2019/Year X-1	Năm 2020/Year X	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn $\frac{\text{Short term Asset} - \text{Inventories}}{\text{Short term Debt}}$	3,28	3,15	1,81
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	0,25	0,26	0,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	5,74	3,71	1,07
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			

	0,03	0,03		+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)
	0,04	0,06		+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)
	0,03	0,04		+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)
	0,03	0,03		+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(Operating profit/ Net revenue Ratio)

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chi tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
- Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits			
- Doanh số cho vay/Lendings			
- Doanh số thu nợ/Debt collection			
- Nợ quá hạn/ Outstanding debts			
- Nợ khó đòi/Bad debt			
- Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (Bad debt/Total debt Ratio)			

(c) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nếu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nếu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm các bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including

(d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Treasury stocks*: Nếu số lượng cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties: Không có

(e) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nếu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.: Không có.

(b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài; cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders): Không có thay đổi nhiều.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 27,000,000 Cổ phần
- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng từ do: 27,000,000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

(a) Cổ phần/Shares: Nếu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng từ do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật. Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.:

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

3. Khả năng thanh toán/Solvency			
- Khả năng thanh toán ngắn/Short term solvency			
- Khả năng thanh toán chung/General solvency			

Company's staffs and managers) related to the securities issuance.: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.
 b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization

6.2. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly.
 Các kết quả quan trắc môi trường hàng quý tại các nhà máy của công ty đều trong ngưỡng an toàn.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy.
 c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.: Nguồn nước máy của KCN và nước máy thành phố
 b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection: Theo quy định chung

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.: Không
 b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.: 40 người, Lương bình quân 12.000.000đ/người/tháng
 b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers. Theo quy định chung của luật lao động
 c) Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 20 người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development: Công ty tự tổ chức đào tạo theo chương trình của Ban giám đốc soạn thảo. Tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, thân thiện, thu hút, bồi dưỡng và tôn trọng nhân tài, chủ trương thăng tiến nội bộ dựa HCD từ thành một tập thể không ngừng học hỏi và hoàn thiện. Đánh giá năng lực CBCNV công bằng, minh bạch tạo khối đoàn kết nội bộ thông qua các chính sách dài ngày, phúc lợi gắn liền với giá trị cốt lõi và văn hoá doanh nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động từ cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service. : Công ty cũng đã dành ngân sách hàng năm tài trợ cho các hoạt động cộng đồng, xã hội như Hội Khuyến học tại địa phương, ủng hộ từ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt theo các tổ chức thiện nguyện, hỗ trợ cho các gia đình CBCNV công ty bị tai nạn, bệnh hiểm nghèo....

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc lời thiêu phải bao gồm các nội dung sau/ The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

- Nhưng tiến bộ công ty đã đạt được/ The Company's achievements.

+ Bộ phận Kinh doanh: Đa hoàn thành các chỉ tiêu về độ phủ, phát triển hệ thống bán lẻ và đại lý, khách hàng doanh nghiệp.

+ Bộ phận sản xuất: Đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng. Cán bộ công nhân viên công ty đều tham gia đầy đủ công tác huấn luyện an toàn và vệ sinh lao động, PCCC.... các chỉ số quan trắc môi trường lao động đều nằm trong giới hạn cho phép.

+ Về tài chính: Kiểm soát dòng tiền hiệu quả, tuân thủ quy chế tài chính, hoàn thiện các quy trình quản trị doanh nghiệp, đổi mới nâng cao chất lượng quản trị tài chính trong báo cáo quản trị, báo cáo dòng tiền... giúp Ban điều hành đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác, kịp thời.

+ Về nhân sự: Ôn định về mặt tổ chức, nhân sự trong năm. Đảm bảo thực hiện các chính sách lương, thưởng, phúc lợi xã hội, BHYT theo đúng quy định của pháp luật cho CBCNV. Xây dựng nhà

2021

tuyên dụng chuyên nghiệp, chủ trương công tác tuyển dụng đảm bảo cả về chất và lượng. Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo. Hoàn thiện các quy trình quản trị hệ thống.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Chỉ tiêu	Cuối năm 2020 (1)	Đầu năm 2020 (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%) (3)=[(1)-(2)]/(2)
TS ngân hàng	338.849.789.051	327.744.238.605	0,03%
TS dài hạn	124.089.548.965	129.117.382.513	-0,04%
Tổng cộng tài sản	462.939.338.016	456.861.621.118	0,01%

Năm 2020, Công ty vẫn duy trì tiềm lực kinh tế với tổng giá trị tài sản tại thời điểm cuối năm 2020 là gần 463 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngân hàng là gần 339 tỷ, tài sản dài hạn là hơn 124 tỷ đồng. Tổng cộng tài sản đạt gần 463 tỷ đồng, tăng 0,01% so với đầu năm.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Chỉ tiêu	Năm 2019 (1)	Năm 2020 (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%) (3)=[(1)-(2)]/(2)
Nợ ngân hàng	99.880.220.885	107.516.766.443	8%
Nợ dài hạn	14.340.459.396	14.340.459.396	0%
Tổng Nợ phải trả	114.220.680.281	121.857.225.839	7%

Trong năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty là hơn gần 122 tỷ đồng tăng 7% so với cuối năm 2019. Nợ phải trả dài hạn của công ty không tăng so với năm 2019 và nợ phải trả ngắn hạn tăng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the

Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.:

- Nhìn chung năm 2020 là năm có nhiều biến động tình hình kinh tế trong và ngoài nước, đặc biệt hệ lụy nghiêm trọng của đại dịch covid 19 gây ra, điều này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị danh gia năm 2020 hoạt động SXKD của Công ty chưa đạt được kỳ vọng của HĐQT và Ban giám đốc.

- Công ty luôn đề cao vấn đề an toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty luôn quan tâm vấn đề đời sống, tinh thần cho CBCNV và thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ cho CBCNV.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management performance

- Năm 2020 Ban giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết HĐQT, chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được HĐQT và HĐQT giao phó.

- Ban giám đốc Công ty báo cáo thường xuyên HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Với việc tạo đội, cấp nhất thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, HĐQT luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động tình hình kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra. Thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của HĐQT.

- Có nhiều ý kiến cải tiến, sáng tạo giúp tạo cho hoạt động kinh doanh triển khai thuận lợi.

- Dưa ra những định hướng tham mưu cho HĐQT trong kế hoạch phát triển năm 2021-2022

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans, orientations of the Board of Directors

+ Với trọng tâm nâng cao hiệu quả hoạt động, năm 2021 sẽ tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh hướng tới mục tiêu phát triển hiệu quả và bền vững. HĐQT định hướng nhiệm vụ trọng tâm ban điều hành cần tập trung khai triển trong năm 2021 như sau:

- Kế hoạch kinh doanh: Thực hiện quyết liệt các giải pháp, chiến lược kinh doanh nhằm hoàn hành kế hoạch kinh doanh năm 2021 được giao. Ra soát điều chỉnh chiến lược phát triển kịp thời cấp nhất với diện biến kinh tế vĩ mô và thị trường, triển khai thành công chiến lược kinh doanh.

- Nghiên cứu và cải tiến sản xuất, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và triển khai đa dạng hoá danh mục sản phẩm nhựa sinh học, thân thiện với môi trường, khuyến khích và triển khai quyết liệt các cải tiến sản xuất có tính thực tiễn cao.

- Quản trị hệ thống: Ra soát, điều chỉnh các hệ thống quy trình, quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các điều luật, quy định hiện hành của nhà nước. Đồng thời điều chỉnh, cải cách theo

hường tình gön nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả chất chế trong vận hành, kiểm soát.

- Tổ chức nhân sự: Ra soát, đổi mới, sắp xếp, tổ chức nhân sự hiệu quả, tình gön năng cao chất lượng nguồn nhân lực, ổn định bộ máy, nhân lực cho sản xuất.
- Điều hành quyết liệt, bám sát kế hoạch đã đề ra.
- Phân đầu đạt kế hoạch đặt ra cho năm 2021.
- Định hướng đầu tư vào Công ty lĩnh vực kinh doanh bất động sản và mở rộng quy mô sản xuất.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục

này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information

in this Section).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần cơ quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

Danh sách, tóm tắt tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành										
1	Phùng Chí Công	CT HDQT	12112 9827	31/08/ 2017	Bắc Giang	Bắc Lý, Hiệp Hoà, Bắc Giang	0	0%		
2	Nguyễn Đức Đăng	Thành viên	01732 6668	09/06/ 2012	Hà Nội	F6 Khu đô thị mới Ngô Thi Nhâm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	3.828,79 5	14,18 %		
3	Vũ Nhân Tiên	Thành viên	01326 6847	06/5/ /2010	Hà Nội	Tổ dân phố số 3 Mê Trì	0	0%		

		Thượng Phước Mê Trì, Quận Nam từ Liên, HN										
4	Nguyễn Hữu Quyển	Xã Cánh Hưng, huyện Tiên Đu, tỉnh Bình Định	Bắc Ninh	02/10/ 2002	12520 2020	Thành viên	7398 01336	08/12/ 2010	Hà Nội	99 Nguyễn Chí Thanh, Đông Đa, Hà Nội	333.750	1,24%
5	Lê Thị Thu Thủy								Thành viên			

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee). Không có
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: danh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.
- Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2020/HCD/NQ-BHBCD	25/04/2020	<p>Các nội dung được thông qua như:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo của ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020. 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019. 5. Thông qua tờ trình thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019 và dự toán năm 2020. 6. Thông qua tờ trình về việc chủ tịch HĐQT kiểm Tổng giám đốc Công ty. 7. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, bầu bổ sung thành viên HĐQT mới. 8. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. 9. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019. 10. Thông qua tờ trình về việc giao dịch với các bên liên quan

Stt No.	Thành viên HĐQT/	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp/
---------	------------------	----------------------	------------------------	-------------	--------------------	--------------------------

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors. (danh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).

7	1112/2020/HCD/NQ-HĐQT		11/12/2020	Thay đổi thời gian trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền.		
6	3107/2020/HCD/NQ-HĐQT		31/7/2020	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT với ông Nguyễn Đức Dũng từ ngày 01/8/2020. Bầu ông Phùng Chí Công giữ chức Chủ tịch HĐQT. Công ty HCD từ ngày 01/8/2020.		
5	2106/2020/HCD/NQ-HĐQT		10/06/2020	Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán TTP là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.		
4	1004/2020/HCD/NQ-HĐQT		10/04/2020	Thay đổi thời gian trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền.		
3	3103/2020/HCD/NQ-HĐQT		31/03/2020	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng, người được ủy quyền công bố thông tin của bà Lê Thị Thu Thủy. Bổ nhiệm bà Trần Thị Anh Nguyệt giữ chức vụ Kế toán trưởng, người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/4/2020.		
2	0203/2020/HCD/NQ-HĐQT		02/03/2020	Thông qua kế hoạch và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.		
				11. Thông qua tờ trình về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. 12. Thông qua tờ trình về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2020.		

Stt No.	Thành viên BKS	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
---------	----------------	-------------------	------------------------	-------------------------	-------------------	-------------------------

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company).

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn	Số buổi họp BKS tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT	21/9/2015	7/7	100%	
2	Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	19/4/2018	7/7	100%	
3	Vũ Nhân Tiên	Thành viên	10/1/2016	7/7	100%	

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

Stt No.	Thành viên BKS	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn	Số buổi họp BKS tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	19/04/2018	7/7	100%	
2	Vũ Nhân Tiên	Thành viên	10/01/2016	7/7	100%	

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

Management and Board of Supervisors

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of

và HĐQT.

- Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc đã tuân thủ, bám sát và thực hiện các chủ trương chính sách theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Ban giám đốc điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

các Nghị quyết của HĐQT để Ban giám đốc điều hành thực hiện.

- Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ, hoặc đột xuất, sau đó triển khai kịp thời

results of the Board of Supervisors meetings).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors: (danh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and

Members of Supervisory Board	là thành viên BKS Day becoming/ no longer member of the Supervisory Board	đ dự Number of attendance	Percentage	Reasons for absence
Nguyễn Thị Thanh Phương	10/1/2016	3/3	100%	Thành viên từ ngày 10/1/2016, Trưởng BKS từ 07/11/2020
Hoàng Kim Thủy	10/01/2016	2/3	100%	Trưởng ban kế từ ngày 10/1/2016, Có đơn xin từ nhiệm thành viên - Trưởng BKS từ ngày 06/11/2020
Đoàn Thị Hoài	10/1/2016	3/3	100%	Thành viên từ ngày 10/1/2016

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/audited financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: (Nếu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty, Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance): Thực hiện nghiêm túc theo Điều lệ và các quy định về quản trị.

e) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights. Không có.

b) Giao dịch có phiêu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch có phiêu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thủ quỹ công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons): Có, được công bố thông tin theo đúng quy định

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp	Thù lao	Tổng cộng
1	Phùng Chí Công	Chủ tịch HĐQT			34.000.000	34.000.000
2	Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	98.760.000		50.000.000	148.760.000
3	Vũ Nhân Tiến	Thành viên HĐQT			36.000.000	36.000.000
4	Nguyễn Như Dương	Thành viên HĐQT			12.000.000	12.000.000
5	Nguyễn Hữu Quyền	Thành viên HĐQT			36.000.000	36.000.000
6	Lê Thu Thủy	Thành viên HĐQT			36.000.000	36.000.000
7	Vũ Trọng Huân	Phó TGĐ	92.570.800		-	92.570.800
8	Hoàng Kim Thủy	Trưởng ban kiểm soát			30.000.000	30.000.000
9	Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên BKS			26.000.000	26.000.000
10	Đoàn Thị Hoài	Thành viên BKS			24.000.000	24.000.000
			191.330.800		284.000.000	475.330.800

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG
MẠI HCD
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

Bao cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Bao cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Bao cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 8
Bảng cân đối kế toán	9
Bao cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 11
Bao cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 37
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD, tên giao dịch bằng Tiếng Anh: HCD Investment Producing and Trading Joint Stock Company; tên thân là Công ty Cổ phần Luyện kim HCD, tên giao dịch bằng tiếng anh: HCD Metallurgy Joint Stock Company. Là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0800940115 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2011; thay đổi lần thứ 5 ngày 22/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Số nhà 122B, phố Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Văn phòng đại diện: F6-F7 khu đô thị mới Ngõ Thi Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5, ngày 22/03/2018 vốn điều lệ của Công ty là 270.000.000.000 VND. Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 270.000.000.000 VND. (Bảng chi: Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu là HCD, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 04/07/2016, số lượng cổ phiếu lưu hành là: 27.000.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng, tương ứng giá trị cổ phiếu đang ký là 270.000.000.000 đồng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Chí Công	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/08/2020
Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT	Miên nhiệm ngày 01/08/2020
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	
Ông Vũ Nhân Tiến	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Như Dương	Thành viên HĐQT	Miên nhiệm ngày 25/04/2020
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Hữu Quyền	Thành viên HĐQT	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trọng Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Kim Thủy	Trưởng ban kiểm soát	Miên nhiệm ngày 07/11/2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 07/11/2020
Bà Đoàn Thị Hoài	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phân ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Dự ra các danh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phân tích trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Dũng



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Dầu tự Sản xuất và Thương mại HCD

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dầu tự Sản xuất và Thương mại HCD

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu tự Sản xuất và Thương mại HCD được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Ban Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc hiệu quả báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm danh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện danh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đa trung thực, hợp lý nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của các kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm danh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như danh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Y kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phân ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu
tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu tư Sản xuất và Thương mại HCD tại ngày 31 tháng 12 năm
2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày,
phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý
có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Giấy chứng nhận DKHN Kiểm toán
Số: 0739-2018-133-1



Kiểm toán viên

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Phạm Thu Hà
Giấy chứng nhận DKHN Kiểm toán
Số 0570-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Ma số TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGÀN HẠN	338.849.789,051	327.744.238,605
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	9.850.155,841	20.152.096,657
111	1. Tiền	9.850.155,841	20.152.096,657
112	2. Các khoản tương đương tiền	-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.000.000,000	6.000.000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000,000	6.000.000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	177.152.986,777	191.434.221,334
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	181.785,691,944	165.222.774,593
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	131.356,179	24.509,872,412
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	100.165,532	1.701,574,329
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(4.864.226,878)	-
140	IV. Hàng tồn kho	143.956,908,547	115.202,463,870
141	1. Hàng tồn kho	143.956,908,547	115.202,463,870
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.889,737,886	955,456,744
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.889,737,886	955,456,744
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	124.089,548,965	129.117,382,513
210	1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
220	II. Tài sản cố định	73.669,227,871	78.521,651,665
221	1. Tài sản cố định hữu hình	61.851,259,617	66.703,683,411
222	- Nguyên giá	78.940,311,564	78.940,311,564
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(17.089,051,947)	(12.236,628,153)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11.817,968,254	11.817,968,254
228	- Nguyên giá	11.817,968,254	11.817,968,254
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	45.000,000,000	45.000,000,000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	45.000,000,000	45.000,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác	5.420,321,094	5.595,730,848
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.420,321,094	5.595,730,848
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	462.939,338,016	456.861,621,118

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tận ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND
 Ma số TÀI SẢN
 Thuyết minh
 Số cuối năm
 Số đầu năm

Ma số TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ	121.857.225.839	114.220.680.281
310	1. Nợ ngắn hạn	107.516.766.443	99.880.220.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	39.868.227.611	32.230.597.488
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	357.409.500	4.819.983.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.275.483.676	4.616.773.750
314	4. Phải trả người lao động	-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.837.312.847	2.079.117.849
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	258.547.498	164.432.268
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53.922.956.500	55.957.015.250
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.996.828.811	12.300.780
330	11. Nợ dài hạn	14.340.459.396	14.340.459.396
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.340.459.396	14.340.459.396
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	341.082.112.177	342.640.940.837
410	1. Vốn chủ sở hữu	20	342.640.940.837
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	270.000.000.000	270.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	270.000.000.000	270.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	(1.100.000)	(1.100.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	3.982.689.911	998.161.880
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	67.100.522.266	71.643.878.957
421a	- LNST chưa phân phối lấy kê đến cuối kỳ trước	65.674.822.894	51.988.288.380
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	1.425.699.372	19.655.590.577
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	462.939.338.016	456.861.621.118

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Dũng

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Nguyệt

Người lập biểu

Trần Thị Anh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND
 Ma số CHI TIẾT Thuyết minh Năm nay Năm trước

01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 495.798.840,942 710.901.840,469

02 2. Các khoản giảm trừ 710.901.840,469 -

10 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) 495.798.840,942

11 4. Giá vốn hàng bán 481.230.720,221 682.199,556,180

20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) 14.568.120,721 28.702.284,289

21 6. Doanh thu hoạt động tài chính và cung cấp dịch vụ (21 = 10 - 11) 31.155,921 668,656

22 7. Chi phí tài chính 5.678,988,339 6.090,766,233

23 - Trong đó: Chi phí lãi vay 31.155,921

25 9. Chi phí bán hàng 167,460,631 269,955,154

26 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp 7.165,836,713 2.675,134,079

30 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} 1.586,990,959 19.667,097,479

31 12. Thu nhập khác 108,300 1.502,900

32 13. Chi phí khác 2.689,961 13.009,802

40 14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) (2.581,661) (11.506,902)

50 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 1.584,409,298 19.655,590,577

51 (50 = 30 + 40)

51 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành 158,709,926 -

52 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại - -

60 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN 1.425,699,372 19.655,590,577

70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 52,80 768,67

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Anh Nguyệt

Trần Thị Anh Nguyệt

Nguyễn Đức Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Phương pháp gián tiếp
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND
 Năm nay Năm trước

Mã số	CHI TIẾT	Năm nay	Năm trước
01	1. Lợi nhuận trước thuế	1.584.409.298	19.655.590.577
	2. Điều chỉnh cho các khoản	15.364.483.090	10.724.723.237
02	- Khấu hao tài sản cố định	4.852.423.794	4.808.918.430
03	- Các khoản dự phòng	4.864.226.878	(172.763.250)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(31.155.921)	(668.656)
06	- Chi phí lãi vay	5.678.988.339	6.089.236.713
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh thay đổi vốn lưu động	16.948.892.388	30.380.313.814
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	8.482.726.537	(12.081.827.345)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(28.754.444.677)	7.416.624.018
11	- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	3.269.171.352	9.755.533.864
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	175.409.754	240.242.174
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.920.793.341)	(6.222.091.612)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(500.000.000)	(1.499.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.299.037.987)	27.989.794.913
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TSDH khác	-	(2.090.909.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và TSDH khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	31.155.921	668.656
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.968.844.079)	(2.090.240.435)

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD
 Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ 31 Nhậm, phường Hà Cầu, quận
 Hà Đông, TP. Hà Nội
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

Năm nay

Năm trước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Tiếp theo)
 Năm 2020

Ma số	CHI TIẾT	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	27.652.050.000	84.860.515.250
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(29.686.108.750)	(85.342.715.700)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(15.430.246.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.034.058.750)	(15.912.447.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(10.301.940.816)	9.987.107.228
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	20.152.096.657	10.164.989.429
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	9.850.155.841	20.152.096.657

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Dũng

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Nguyệt

Người lập biểu

Trần Thị Anh Nguyệt

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh)

Ngành nghề kinh doanh: hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là:

Số cán bộ công nhân viên: 24 người

(Bảng chi: Hai trăm bảy mươi ty đồng chẵn)/

270.000.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 22/03/2018 là 270.000.000 VND. Vốn góp ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020 là

Nội:

Văn phòng đại diện: F6-F7 khu đô thị mới Ngõ Thi Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà

tỉnh Hải Dương.

Trụ sở chính của Công ty: Số nhà 122B, phố Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương.

06 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 5, ngày 22/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0800940115 đăng ký lần đầu ngày

bảng tiếng anh: HCD Metallurgy Joint Stock Company. Là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động

Producing and Trading Joint Stock Company; tên thân là Công ty Cổ phần Luyện kim HCD, tên giao dịch

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD, tên giao dịch bằng Tiếng Anh: HCD Investment

Hình thức sở hữu vốn:

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Gida trị sau ghi nhận ban đầu

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phải trả cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Chi nhận ban đầu

2.3. Công cụ tài chính

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng nội quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Chế độ kế toán áp dụng

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên

2.7. Hàng tồn kho

thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc giá trị hàng tồn kho được toàn nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu qua hạn thanh toán được đồng kinh tế, các kế hoạch vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán được trích lập cho các khoản: nợ phải thu qua hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế hoạch vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tố phải thu,

2.6. Các khoản nợ phải thu

khó đòi theo quy định của pháp luật.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu

doanh, hiện kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

phòng giảm giá khoản đầu tư.

theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán

kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng

các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, kỳ phiếu), có phiếu ưu đãi bên phát hành bất thuộc phải mua lại tại thời điểm

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

trong chuyển đổi thành tiền.

thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính

Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ 3 Thị Nhượng, phường Hà Cầu, Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Báo cáo tài chính CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HCD

Đổi với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất	48 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc đầu tư bất động sản đầu tư đó. Chính sách giữa thu mua và việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi qua kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

2.9. Bất động sản đầu tư

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13. Chi phí di vay

Chi phí di vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí di vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí di vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yêu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- hàng hóa;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát người mua;
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

2.17. Doanh thu

pháp luật Việt Nam.

đồng/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trong hợp đồng góp. Lợi nhuận sau tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phân ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và (phần).

thăng dư âm (nếu gia phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ dưong (nếu gia phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc phiếu và gia phát hành có phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành có phiếu quỹ) và có thể là thăng dư Thăng dư vốn có phần phân ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

2.16. Vốn chủ sở hữu

xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được gia cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...

gia bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chi tiết khấu giảm khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay hoặc mua các công cụ nợ và các Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc

2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Tại sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch và giá trị được khấu trừ chuyên sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

a. Tại sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

chính.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

sinh khi bán ngoài tế, lỗ tỷ giá hối đoái...

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát

- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

- Chi phí di vãng;

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

2.19. Chi phí tài chính

được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trích nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,...

nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt từ hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ

2.18. Giá vốn hàng bán

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

đồng tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt

Doanh thu hoạt động tài chính

thành.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp danh giá công việc hoàn

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Tại sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm ứng được khấu trừ, số chênh lệch tạm ứng chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Ưu đãi thuế

Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.21. Lợi trên cơ phiếu

Lợi cơ bản trên cơ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cơ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khẩn trương, phúc lợi và Quỹ Khẩn trương Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty; những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chủ ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD
 Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KBT mới Ngõ Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận
 Hà Đông, TP. Hà Nội
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
 Thuyết minh báo cáo tài chính

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
3.040.690.548	5.120.527.209
6.809.465.293	15.031.569.448
6.809.465.293	15.031.569.448
-	-
9.850.155.841	20.152.096.657

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TẠI CHINH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối năm	Số đầu năm
Gia gốc	Gia gốc
Dự phòng	Dự phòng

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

6.000.000.000	-	-	-
6.000.000.000	-	-	-

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2020/4532161/HDTG ngày 23/11/2020 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, số tiền: 6.000.000.000 VND, lãi suất: 4,9%/năm, kỳ hạn 12 tháng, khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được cầm cố thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2020/4532161/HDTG ngày 23/11/2020.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a. Phải thu khách hàng ngắn hạn

- Công ty CP XNK Thép Nam Hải	23.373.293.705	181.785.691.944	165.222.774.593
- Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh	18.129.155.000	12.833.384.575	23.685.637.075
- Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đại Phúc	12.833.384.575	763.832.390	43.288.528.940
- Công ty CP Công nghiệp Quảng An	763.832.390	17.673.136.500	11.805.116.500
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Doanh Hành	17.673.136.500	15.204.784.500	7.150.244.200
- Công ty TNHH Yuyang Việt Nam	15.204.784.500	93.808.105.274	51.236.460.673
- Các đối tượng khác	93.808.105.274	181.785.691.944	165.222.774.593

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Thương mại S.M.E	24.402.830.817	96.333.000	107.041.595
- Công ty CP Sự kiện và Du lịch THL	-	35.023.179	131.356.179
- Các đối tượng khác	-	35.023.179	24.509.872.412

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ: VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thi Nhậm, phường Hà Cầu, quận

Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính

7. PHẢI THU KHÁC

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
100.165.532	-	1.701.574.329	-
69.557.313	-	8.969.604	-
30.608.219	-	1.692.604.725	-
-	-	-	-
100.165.532	-	1.701.574.329	-

a. Phải thu khác ngắn hạn

Bảo hiểm xã hội

Phải thu khác ngắn hạn

b. Dài hạn

8. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay qua hạn thanh toán hoặc chưa qua hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gia gốc	Gia trị có thể thu hồi	Gia gốc	Gia trị có thể thu hồi
VND	VND	VND	VND
3.278.252.000	983.475.600	-	-
289.993.539	86.998.061	-	-
3.380.650.000	1.014.195.000	-	-
6.948.895.539	2.084.668.661	-	-

Công ty TNHH Hoàng Ngọc

Công ty CP Vật liệu hoàn thiện

Phước Lâm

Công ty cổ phần SMD Global

9. HÀNG TỒN KHO

Số cuối năm		Số đầu năm	
Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
143.956.908.547	-	115.202.463.870	-
38.509.719.768	24.188.858.279	104.960.587.646	89.273.853.118
486.601.133	1.719.144.473	-	20.608.000
104.960.587.646	24.188.858.279	104.960.587.646	89.273.853.118
143.956.908.547	-	115.202.463.870	-

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Thành phẩm

Hàng hoá

- Giá trị hàng tồn kho ư động, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

Công ty Cổ phần Dầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	24.340.464.406	53.397.500.995	837.693.181	198.200.000	166.452.982		78.940.311.564
- Mua trong năm							-
- Thanh lý, nhượng bán							-
- Giảm khác							-
Số cuối năm	24.340.464.406	53.397.500.995	837.693.181	198.200.000	166.452.982		78.940.311.564
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	3.191.447.218	8.011.874.284	834.733.901	161.120.829	37.451.921		12.236.628.153
- Khấu hao trong năm	1.184.897.902	3.634.437.981	2.959.280	13.483.333	16.645.298		4.852.423.794
- Thanh lý nhượng bán							-
- Giảm khác							-
Số cuối năm	4.376.345.120	11.646.312.265	837.693.181	174.604.162	54.097.219		17.089.051.947
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	21.149.017.188	45.385.626.711	2.959.280	37.079.171	129.001.061		66.703.683.411
Tại ngày cuối năm	19.964.119.286	41.751.188.730	-	23.595.838	112.355.763		61.851.259.617

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 61.715.308.104 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 954.993.181 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thị Nhâm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	11.817.968.254	-	-	-	11.817.968.254
- Mua trong năm					
- Giảm khác					
Số cuối năm	11.817.968.254	-	-	-	11.817.968.254
Giá trị hao mòn					
- Khấu hao trong năm					
- Giảm khác					
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.817.968.254	-	-	-	11.817.968.254
Tại ngày cuối năm	11.817.968.254	-	-	-	11.817.968.254

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thể chấp các khoản vay: 11.817.968.254 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thi Nhân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
- Công ty CP Nhựa Trường An	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của công ty tại ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Nhựa Trường An	Số 67, đường Lý Tự Trọng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Mua, bán hạt nhựa nguyên sinh

Công ty Cổ phần Dầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thi Niệm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53.922.956.500	53.922.956.500	27.652.050.000	29.686.108.750	55.957.015.250	55.957.015.250	
- Vay ngắn hạn	53.922.956.500	53.922.956.500	27.652.050.000	29.686.108.750	55.957.015.250	55.957.015.250	
+ Ngân hàng TMCP DT & PT Việt Nam - CN Hai Dương (1)	53.922.956.500	53.922.956.500	27.652.050.000	29.686.108.750	55.957.015.250	55.957.015.250	
b. Vay dài hạn	14.340.459.396	14.340.459.396	-	-	14.340.459.396	14.340.459.396	
+ Ngân hàng TMCP DT & PT Việt Nam - CN Hai Dương (1)	14.340.459.396	14.340.459.396	-	-	14.340.459.396	14.340.459.396	
Cộng	68.263.415.896	68.263.415.896	27.652.050.000	29.686.108.750	70.297.474.646	70.297.474.646	

Công ty Cổ phần Dầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ 3 Thụ Nhân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(1): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP DT & PT Việt Nam - CN Hai Dương bao gồm:

Số Hợp đồng tín dụng số 4532161	Ngày vay	Số tiền vay	Mục đích vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất (năm)	Số dư tại ngày 31/12/2020
Khế ước nhận nợ số 710930	Ngày 04/11/2019	5.001.187.500	Thanh toán tiền hàng	04/05/2021	6,50%	5.001.187.500
Khế ước nhận nợ số 712574	Ngày 07/11/2019	3.963.960.000	Thanh toán tiền hàng	05/01/2021	6,50%	1.403.960.000
Khế ước nhận nợ số 713416	Ngày 11/11/2019	4.634.784.000	Thanh toán tiền hàng	20/01/2021	6,50%	4.634.784.000
Khế ước nhận nợ số 714020	Ngày 12/11/2019	5.000.000.000	Thanh toán tiền hàng	22/02/2021	6,50%	5.000.000.000
Khế ước nhận nợ số 714279	Ngày 13/11/2019	1.218.000.000	Thanh toán tiền hàng	05/02/2021	6,50%	1.218.000.000
Khế ước nhận nợ số 719326	Ngày 27/11/2019	1.933.600.000	Thanh toán tiền hàng	22/03/2021	6,50%	1.933.600.000
Khế ước nhận nợ số 719317	Ngày 27/11/2019	5.045.700.000	Thanh toán tiền hàng	05/03/2021	6,50%	5.045.700.000
Khế ước nhận nợ số 720364	Ngày 29/11/2019	2.033.675.000	Thanh toán tiền hàng	05/04/2021	6,50%	2.033.675.000
Khế ước nhận nợ số 731454	Ngày 06/01/2020	6.984.312.500	Thanh toán tiền hàng	20/04/2021	6,50%	6.984.312.500
Khế ước nhận nợ số 731463	Ngày 06/01/2020	5.363.325.000	Thanh toán tiền hàng	05/05/2021	6,50%	5.363.325.000
Khế ước nhận nợ số 732916	Ngày 09/01/2020	6.666.100.000	Thanh toán tiền hàng	20/05/2021	6,50%	6.666.100.000
Khế ước nhận nợ số 735137	Ngày 14/01/2020	5.078.312.500	Thanh toán tiền hàng	07/06/2021	6,50%	5.078.312.500
Khế ước nhận nợ số 735146	Ngày 14/01/2020	3.000.000.000	Thanh toán tiền hàng	20/06/2021	6,50%	3.000.000.000
Khế ước nhận nợ số 832913	Ngày 20/11/2020	560.000.000	Thanh toán tiền hàng		6,50%	560.000.000
Tổng Cộng		56.482.956.500				53.922.956.500

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thi Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(2): Vay dài hạn Ngân hàng TMCP DT & PT Việt Nam - CN Hải Dương

- Hợp đồng tín dụng số 19/2017/4532161/HDTD ngày 13/04/2017 giữa Công ty CP Đầu tư sản xuất và Thương mại HCD và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương; hạn mức cho vay 28 tỷ đồng; Mục đích vay đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì HCD.

Tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP DT & PT Việt Nam - CN Hải Dương:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2016/4532161/HDBD ngày 24/03/2016 giữa Bên vay và BIDV Hải Dương
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2017/4532161/HDBD ngày 13/11/2017 giữa Bên vay và BIDV Hải Dương
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4532161/HDBD ngày 11/04/2018 giữa Bên vay và BIDV Hải Dương
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4532161/HDBD ngày 11/04/2018 giữa Bên vay và BIDV Hải Dương
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 12/2013/HDTG ngày 01/11/2013 giữa Bên vay và BIDV Hải Dương.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.226.434.150	158.709.926	500.000.000	-	3.885.144.076
Thuế Thu nhập cá nhân	-	390.339.600	-	-	-	390.339.600
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.564.409	2.564.409	-	-
Tổng cộng	-	4.616.773.750	165.274.335	506.564.409	-	4.275.483.676

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
5.837.312.847	2.079.117.849

Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí lãi vay

Cộng

19. PHẢI TRẢ KHÁC

Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND
5.837.312.847	2.079.117.849
61.091.528	38.946.768
49.825.710	-
22.144.760	-
125.485.500	125.485.500
258.547.498	164.432.268

Phải trả khác ngắn hạn

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm y tế

Bảo hiểm thất nghiệp

Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)

Cộng

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Chi tiết phụ lục 1)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
VND	%	VND	%
38.287.950.000	14,18%	38.287.950.000	14,18%
231.712.050.000	85,82%	231.712.050.000	85,82%
270.000.000.000	100,00%	270.000.000.000	100,00%

- Ông Nguyễn Đức Đăng

- Các cổ đông khác

Cộng

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm nay	Năm trước
VND	VND
270.000.000.000	270.000.000.000

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

- Vốn góp tăng trong năm

- Vốn góp giảm trong năm

- Vốn góp cuối năm

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

21. CÁC KHOẢN MỨC NGOẠI BẢNG CẦN ĐÒI KẾ TOÁN

Số cuối năm	Số đầu năm
86,14	99,34
86,14	99,34

Đơn vị tính: triệu USD

Ngôi tệ các loại

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm nay	Năm trước
495.798.840.942	710.901.840.469
VND	VND

Doanh thu
- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm nay	Năm trước
481.230.720.221	682.199.556.180
VND	VND

- Giá vốn bán hàng hóa
- Giá vốn cung cấp dịch vụ

Cộng

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Năm nay	Năm trước
31.155.921	668.656
VND	VND

- Lợi tiền gửi, cho vay

Cộng

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Năm nay	Năm trước
5.678.988.339	6.089.236.713
VND	VND

- Chi phí lãi vay

- Lỗ chênh lệch tỷ giá

Cộng

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Năm nay	Năm trước
167.460.631	269.955.154
VND	VND

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm nay	Năm trước
7.165.836.713	2.675.134.079
VND	VND
349.058.953	346.356.122
963.413.560	1.395.796.118
171.723.882	174.683.160
4.864.226.878	(172.763.250)
4.000.000	4.000.000
595.387.440	562.553.243
218.026.000	364.508.686

- Chi phí nguyên, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dự phòng
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Công ty Cổ phần Dầu tư sản xuất và thương mại HCD
 Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thi Nhâm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
 Thuyết minh báo cáo tài chính

29. THU NHẬP KHÁC

Năm nay	Năm trước
VND	VND
108.300	108.300
1.502.900	1.502.900

- Thu nhập khác

Cộng

30. CHI PHÍ KHÁC

Năm nay	Năm trước
VND	VND
2.564.409	13.009.802
125.552	13.009.802
2.689.961	13.009.802

- Phát vì phạm hành chính, chậm nộp thuế

- Chi phí khác

Cộng

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Năm nay	Năm trước
VND	VND
1.584.409.298	19.655.590.577
2.689.961	301.009.802
2.689.961	301.009.802

Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

Các khoản điều chỉnh tăng

- Chi phí không hợp lệ

Các khoản điều chỉnh giảm

- Cđ tức, lợi nhuận được chia

Lợi nhuận sau điều chỉnh

Lợi nhuận được miễn thuế TNDN năm hiện hành

Lợi nhuận chịu thuế TNDN: 10% (*)

Lợi nhuận chịu thuế TNDN năm hiện hành: 20%

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 10%)

Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính

Thuế TNDN phải nộp trong năm hiện hành

Năm nay	Năm trước
VND	VND
1.587.099.259	19.956.600.379
1.587.099.259	23.000.238.698
158.709.926	(3.043.638.319)
158.709.926	-
158.709.926	-

(*): Căn cứ Văn bản số 6372/CT-TTHT ngày 17/11/2017 của Cục Thuế Tỉnh Hà Dương về việc ưu đãi thuế TNDN cho Công ty CP Dầu tư sản xuất và thương mại HCD, theo đó Công ty được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới. Thời gian ưu đãi thuế bắt đầu từ ngày 01/01/2018.

32. LẠI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Năm nay	Năm trước
VND	VND
1.425.699.372	19.655.590.577
-	1.098.601.272
1.425.699.372	1.098.601.272
1.425.699.372	20.754.191.849
27.000.000	27.000.000
52.80	768,67

Lợi nhuận sau thuế

Các khoản điều chỉnh

- Cđ tức của cổ phiếu ưu đãi

- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ

Lại cơ bản trên cổ phiếu

- Công ty chưa ước tính phân bổ Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Do đó, việc tính Lại cơ bản trên cổ phiếu năm nay không bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân bổ.

- Năm nay, Công ty phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết HĐQT nên số liệu so sánh về lại cơ bản trên cổ phiếu có thay đổi so với thuyết minh Báo cáo tài chính năm trước.

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD
Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thị Nhàn, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Số cuối năm	Số đầu năm	Tại sản tài chính		Nợ phải trả tài chính	
		Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
		9.850.155.841	20.152.096.657	181.885.857.476	166.924.348.922
				(4.864.226.878)	
		6.000.000.000	-	-	-
				-	-
				-	-
				187.076.445.579	114.227.503.852
				(4.864.226.878)	104.771.622.251
				197.736.013.317	114.227.503.852

Tại sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư có phiếu ngân hàng và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư có phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ 1 Thị Nhượng, phường Hà Cầu, quận

Hà Đông, TP. HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Từ 5 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương	9.850.155.841	9.850.155.841	-	9.850.155.841
tiền				
Phải thu khách hàng, phải thu khác	181.885.857.476	181.885.857.476	-	181.885.857.476
Các khoản cho vay	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	197.736.013.317	197.736.013.317	-	197.736.013.317
Số đầu năm	Tiền và các khoản tương đương	20.152.096.657	20.152.096.657	20.152.096.657
tiền				
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.924.348.922	166.924.348.922	-	166.924.348.922
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Cộng	187.076.445.579	187.076.445.579	-	187.076.445.579

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Từ 5 năm	Tổng
Vay và nợ	53.922.956.500	14.340.459.396	68.263.415.896	68.263.415.896
Phải trả người bán, phải trả khác	40.126.775.109	-	40.126.775.109	40.126.775.109
Chi phí phải trả	5.837.312.847	-	5.837.312.847	5.837.312.847
Cộng	99.887.044.456	14.340.459.396	114.227.503.852	114.227.503.852
Số đầu năm	Vay và nợ	55.957.015.250	14.340.459.396	70.297.474.646
Phải trả người bán, phải trả khác	32.395.029.756	-	32.395.029.756	32.395.029.756
Chi phí phải trả	2.079.117.849	-	2.079.117.849	2.079.117.849
Cộng	90.431.162.855	14.340.459.396	104.771.622.251	104.771.622.251

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD
 Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ 6 Thị Nhám, phường Hà Cầu, quận
 Hà Đông, TP. Hà Nội
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	495.798.840,942	-	-	495.798.840,942
Chi phí bộ phận	481.230.720,221	-	-	481.230.720,221
Kết quả kinh doanh bộ phận	14.568.120,721	-	-	14.568.120,721
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				7.333.297,344
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.234.823,377
Doanh thu hoạt động tài chính				31.155,921
Chi phí tài chính				5.678.988,339
Thu nhập khác				108,300
Chi phí khác				2.689,961
Thuế TNDN hiện hành				158.709,926
Lợi nhuận sau thuế				1.425.699,372

37. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Nhà Trông An	Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KBT mới Ngõ Thi Nhậm, phường Hà Cầu, quận

Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh báo cáo tài chính

b. Giao dịch với bên liên quan

Công ty CP Nhà Trông An

Mua hàng

Trả tiền hàng

Năm nay	Năm trước
VND	VND
281.274.486.130	452.657.640.120
304.115.000.000	474.837.375.000

Số cuối năm

Số đầu năm

245.759.045

23.086.272.915

Năm nay	Năm trước
VND	VND
284.000.000	288.000.000

Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
 Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biên

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2021
 Tổng Giám đốc

Trần Thị Anh Nguyệt

Trần Thị Anh Nguyệt

Nguyễn Đức Dũng



Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD

Địa chỉ VP đại diện: F6 - F7 KĐT mới Ngõ Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục 1:

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	270.000.000,000	(1.100.000)	998.161.880	67.418.535.180	338.415.597.060
- Tăng vốn trong năm trước					-
- Lãi (lỗ) trong năm trước				19.655.590.577	19.655.590.577
- Tăng khác				(15.430.246.800)	-
- Cổ tức/chi trả					(15.430.246.800)
Số dư cuối năm trước	270.000.000,000	(1.100.000)	998.161.880	71.643.878.957	342.640.940.837
Số dư đầu năm nay	270.000.000,000	(1.100.000)	998.161.880	71.643.878.957	342.640.940.837
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi (lỗ) trong năm nay				1.425.699.372	1.425.699.372
- Trích lập các quỹ				(2.984.528.031)	(2.984.528.032)
Số dư cuối năm nay	270.000.000,000	(1.100.000)	3.982.689.911	67.100.522.266	341.082.112.177

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN - HCD
 2021

hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
 CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trung

(Handwritten signature)